UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28 /2017/QĐ-UBND	*Hải Dương, ngày 20 tháng 10 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định giá dịch vụ sử dụng đò, phà trên địa bàn tỉnh Hải Dương

SỞ TƯ PHÁP T. HẢI DƯƠNG
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 1862
Ngày: 9/11/2017

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa dịch vụ;

Căn cứ Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa dịch vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá dịch vụ sử dụng đò, phà trên địa bàn tỉnh Hải Dương *(chi tiết có phụ lục kèm theo).*

Điều 2. Mức giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng; căn cứ mức giá tối đa, khung giá quy định tại Quyết định này và tình hình thực tế tại địa phương, các tổ chức, cá nhân, đơn vị cung cấp dịch vụ đò, phà quyết định mức giá cụ thể đối với từng đối tượng để áp dụng cho phù hợp nhưng không được vượt mức giá

quy định tại quyết định này và gửi về Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải để tổng hợp; thực hiện niêm yết giá, công khai thông tin về giá theo quy định của pháp luật về giá.

Toàn bộ số tiền thu được từ hoạt động dịch vụ là doanh thu của đơn vị. Các đơn vị cung cấp dịch vụ có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước theo quy định. Giao Sở Tài chính phối hợp với Cục thuế tỉnh và các Sở, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. Bãi bỏ mức thu phí phà, đò quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 14/2012/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2012 của UBND tỉnh Hải Dương về việc điều chỉnh mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hải Dương; mục 4 Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 31/2011/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2011 của UBND tỉnh Hải Dương về việc ban hành quy định điều chỉnh mức thu một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hải Dương; mục 2.2 khoản 2 Điều 1 Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2012 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 4. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các cấp; các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Dương Thái

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch HĐND, UBND tỉnh;
- Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Trung tâm CNTT (VP UBND tỉnh);
- Lưu: VP, Thư (100b).

PHỤ LỤC

Giá dịch vụ sử dụng đò, phà trên địa bàn tỉnh Hải Dương

(Kèm theo quyết định số 18 /2017/QĐ- UBND ngày 20/ 10 /2017 của UBND tỉnh Hải Dương)

1. Khung giá dịch vụ sử dụng phà tại phà Tuần Mây:

STT	Danh mục	Khung giá (đồng/lượt)
1	Khách đi bộ	1.000 ÷ 3.000
2	Xe đạp	2.000 ÷ 4.000
3	Xe máy không hàng	4.000 ÷ 6.000
4	Xe máy có hàng	5.000 ÷ 7.000
5	Xe thô sơ, xúc vật kéo	6.000 ÷ 8.000
6	Súc vật, trâu, bò, ngựa	4.000 ÷ 6.000
7	Xe thô sơ người kéo	4.000 ÷ 6.000
8	Xe con dưới 12 chỗ ngồi	20.000 ÷ 30.000
9	Xe từ 12 chỗ ngồi đến dưới 30 chỗ ngồi	35.000 ÷ 50.000
10	Xe từ 30 chỗ ngồi đến đươi 45 chỗ ngồi	40.000 ÷ 55.000
11	Xe từ 45 chỗ ngồi trở lên	55.000 ÷ 70.000
12	Xe ô tô tải dưới 3 tấn không hàng	20.000 ÷ 30.000
13	Xe ô tô tải dưới 3 tấn có hàng	35.000 ÷ 50.000
14	Xe ô tô tải từ 3 tấn đến dưới 5 tấn không hàng	35.000 ÷ 50.000
15	Xe ô tô tải từ 3 tấn đến dưới 5 tấn có hàng	50.000 ÷ 70.000
16	Xe ô tô tải từ 5 tấn đến dưới 7 tấn không hàng	50.000 ÷ 70.000
17	Xe ô tô tải từ 5 tấn đến dưới 7 tấn có hàng	70.000 ÷ 90.000
18	Xe ô tô tải từ 7 tấn đến dưới 12 tấn không hàng	70.000 ÷ 90.000
19	Xe ô tô tải từ 7 tấn đến dưới 12 tấn có hàng	95.000 ÷ 120.000
20	Xe ô tô tải từ 12 tấn đến dưới 15 tấn không hàng	80.000 ÷ 105.000
21	Xe ô tô tải từ 12 tấn đến dưới 15 tấn có hàng	120.000 ÷ 145.000
22	Xe ô tô tải từ 15 tấn đến dưới 18 tấn không hàng	90.000 ÷ 115.000
23	Xe ô tô tải từ 15 tấn đến dưới 18 tấn có hàng	200.000 ÷ 225.000
24	Xe ô tô tải từ 18 tấn trở lên không hàng	100.000 ÷ 125.000
25	Xe ô tô tải từ 18 tấn trở lên có hàng	220.000 ÷ 245.000

2. Khung giá dịch vụ sử dụng phà tại phà Bến Hàn:

STT	Danh mục	Khung giá (đồng/lượt)
1	Khách đi bộ	1.000 ÷ 3.000
2	Xe đạp	2.000 ÷ 4.000
3	Xe máy không hàng	5.000 ÷ 7.000
4	Xe máy có hàng	6.000 ÷ 8.000

3. Giá tối đa dịch vụ sử dụng đò được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước:

STT	Danh mục	Giá tối đa (đồng/lượt)
1	Khách đi bộ	2.000
2	Xe đạp	3.000
3	Xe máy không hàng	5.000
4	Xe máy có hàng	7.000
5	Hàng thồ	
a	Từ 20-50kg	3.000
b	Trên 50kg	5.000
c	Hàng kồng kềnh	5.000

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG